TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N H
TỈNH Q N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 15 /2017/HNGĐ-ST
Ngày 25/12/2017
"V/*v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N H, TỈNH Q N
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diếu

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà: Lê Thị Thanh Chín

+ Bà: Nguyễn Thị Kiều Hoanh

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Tiến Dũng**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Q N

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H, tỉnh Q N tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Khánh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N H tỉnh Q N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXX - ST ngày 12 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T; sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Tổ 21, Phường T P, thành phố Q N, tỉnh Q N.

Tạm trú: thôn N1, xã H Đ, huyện N H, tỉnh Q N

Bị đơn: Anh Trương Thanh C, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ 21, Phường T P, thành phố Q N, tỉnh Q N.

Tạm trú: thôn N1, xã H Đ, huyện N H, tỉnh Q N.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thu T, trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C kết hôn vào tháng 5/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T P, thành phố Q N. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, anh C có lúc đánh đập chị T. Sự việc cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 8/2017 vợ chồng đã sống ly thân.

Nay chị T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc, không thể nào quay lại với nhau. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Hoàng M , sinh ngày 07 tháng 02 năm 2013 hiện nay con đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 12/2017.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh, chị không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

** Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Trương Thanh C trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay.

Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh C cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh C không đồng ý giao con cho chị T nuôi, anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Lý do anh C yêu cầu được nuôi con: Vì chị T hiện nay đang làm hợp đồng, thu nhập 4.000.000/tháng và đang thuê nhà trọ nên không đủ điều kiện để nuôi con. Gia đình anh có điều kiện hơn có ông bà nội chăm sóc giúp cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C thống nhất như lời trình bày của chị T. Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh tại Hội phụ nữ xã H Đ là nơi chị T, anh C sinh sống. Chị Nguyễn Thị L cung cấp thông tin: Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, anh C có lúc đánh đập chị T. Sự việc cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả và hiện nay anh C, chị T đang sống ly thân nhau.

Ngoài ra chị T còn cung cấp Bảng thanh toán tiền lương tháng 12/2017

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu*: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự: Chấp hành và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị T và anh C; giao con cho chị T nuôi dưỡng; Buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng để đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhan dân huyện N H thụ lý, giải quyết yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C tự nguyệt kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T P, thành phố Q N vào năm 2012. Do vậy hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị T: Chị T và anh C kết hôn năm 2012, sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, anh C có lúc đánh đập chị T. Sự việc cứ lặp đi lặp lại nhiều lần. Mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị đã được được đôi bên gia đình khuyên giải nhưng không hàn gắn được tình cảm của anh chị. Chị T, anh C đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về chung sống nhưng chj T anh C không thể hòa giaair để đoàn tụ. Tại phiên hòa giải anh chị đồng ý ly hôn nhưng không thỏa thuận được việc giao con cho ai nuôi và tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa chị T, anh C nhất trí tự nguyện ly hôn nhưng cũng chưa thống nhất được về việc nuôi con.

Xét thấy việc tự nguyện ly hôn của chị T và anh C là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị T và anh C.

[2] Về con chung là cháu Trương Hoàng M , sinh ngày 07 tháng 02 năm 2013 hiện nay con đang sống với chị T.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T: Từ khi hai vợ chồng sống ly thân đến nay cháu M sống cùng với chị T. Chị T là phụ nữ, hiện là nhân viên của cơ quan Bảo hiểm Xã hội huyện N H do đó về thu thập của chị T ổn định. Tuy thu nhập của chị T chỉ hơn 4 triệu đồng /tháng nhưng đó là thu nhập ổn định. Nguyện vọng của chị T là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, bảo vệ phụ nữ và trẻ em khi ly hôn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị T.

Xét yêu cầu được nuôi con của anh C: Anh C hiện đang làm tại dịch vu mai táng cùng với gia đình. Do đặc thù của công việc nên giờ giấc không ổn định. Do vậy về thời gian để chăm sóc cho con là chưa đảm bảo. Do vậy nên giao con cho chị

T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh C cấp dưỡng tiền để nuôi con chung là phù hợp. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng / tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét chị T là người trực tiếp nuôi con mà nhu cầu hiện nay để đảm bảo cho việc học hành, sinh hoạt của con là rất cao và rất cần thiết. Do vậy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Thu nhập của anh C hiện nay theo lời anh khai là 10.000.000đ, nên yêu cầu của chị T được xem xét chấp nhận. Hơn nữa tại phiên tòa anh C trình bày nếu Hội đồng xét xử giao con cho vợ nuôi thì mức cấp dưỡng mà chị T yêu cầu 2.000.000 đ/ tháng là anh chấp nhận cấp dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức là 2.000.000 đồng/1tháng cho đên khi con đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí thuận tình ly hôn, bị đơn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật TTDS; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Lê Thị Thu T và anh Trương Thanh C. Chị T được ly hôn với anh C.

2.Về con chung: Giao cháu Trương Hoàng M , sinh ngày 07 tháng 02 năm 2013 cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trương Thanh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2018.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thu T tựu nguyện chịu 300.000 đồng án phí thuận tình ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 000383 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N H.

Anh Trương Thanh C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND p T P;
- Các đương sự;
- Lưu: hs, vt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diếu